TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày 24/12/2019
V/v tranh chấp: Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Quy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đoàn Hùng Tự
2. Bà Đặng Thị Minh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-DSTC ngày 08 tháng 10 năm 2019 về Tranh chấp Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị Bích Ng

Địa chỉ: Số nhà 19, tổ 04, đường Ng, phường Tr, thành phố H, tỉnh Hà Giang; Tạm trú: SN 12, tổ 17, đường Ph, thành phố H, tỉnh Hà Giang; Có mặt.

- Bị đơn: Phòng công chứng số 1 tỉnh Hà Giang.

Địa chỉ: Đường T, phường Ng, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thu H - Công chứng viên Phòng công chứng số 01 tỉnh Hà Giang.

Địa chỉ: Tổ 5, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt, có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn Th (Lê Trung H)

Địa chỉ: Số nhà 19, tổ 4, đường Ng, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Viên Thị V - Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Thị L và cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Hà Giang; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2019 và các Bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Hà Thị Bích Ng trình bày:

Bà Hà Thị Bích Ng và ông Lê Văn Th kết hôn với nhau vào cuối năm 1994. Năm 1996, vợ chồng bà Ng được Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại số 19, đường Ng, tổ 4, phường T, thành phố H. Quá trình sinh sống, vợ chồng bà Ng cùng nhau xây dựng 01 ngôi nhà, hiện nay bà và ông Th vẫn đang sinh sống. Ngoài ra, vợ chồng bà cùng nhau mua được 01 xe ô tô biển kiểm soát: 23A-01856. Năm 2016, do làm ăn thua lỗ nên bà Ng đã phải vay mượn tiền của một số người trên địa bàn thành phố H để trả nợ. Năm 2018, bà Ng bị Công an tỉnh Hà Giang tạm giam 4 tháng vì có vi phạm pháp luật. Khi được tại ngoại, do lo sợ phải bán tài sản đi để trả các khoản nợ đã vay, ông Th và các con không có chỗ ở nên ông Th đã bàn bạc thống nhất với con chung của hai vợ chồng anh Lê H gây sức ép cho bà Ng đến Văn phòng công chứng số 01 tỉnh Hà Giang để lập văn bản thỏa thuận tài sản riêng. Khi đó, ông Th có hứa sẽ dùng những tài sản mà hai ông bà làm văn bản thỏa thuận công chứng để thế chấp, vay tiền cho bà Ng trả nợ.

Tại văn bản số 539 ngày 15/02/2019 của Phòng công chứng số 01 tỉnh Hà Giang, bà Ng và ông Th đã thỏa thuận xác định tài sản chung gồm ngôi nhà trên đất tại số 19, đường Nguyễn T, tổ 04, phường T, thành phố H và 01 xe ô tô biển kiểm soát 23A-01856 là tài sản riêng của ông Lê Văn Th.

Sau khi lập văn bản thỏa thuận công chứng, do bà Ng và ông Thcó nhiều mâu thuẫn nên đã quyết định ly hôn. Tại Quyết định số 79/2019 ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang công nhận thuận tình ly hôn cho ông Th và bà Ng. Sau khi ly hôn, ông Th không thực hiện việc vay tiền cho bà Ng trả nợ như thỏa thuận và đuổi bà Ng ra khỏi nhà.

Nay bà Ng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tuyên bố Văn bản thỏa thuận xác định tài sản riêng số 539 ngày 15/02/2019 là vô hiệu vì các lý do sau:

1.Khi lập văn bản thỏa thuận trên, ông Th và bà Ng đã có mục đích nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của bà Ng;

2. Do tinh thần bà Ng bị hoảng loạn khi vừa bị tạm giam nên không minh mẫn trong việc đồng ý ký văn bản thỏa thuận trên;

3. Bà Ng không tự nguyện làm văn bản thỏa thuận trên mà do ông Th đánh đập bà Ng để ép buộc bà Ng lập văn bản thỏa thuận;

4. Việc lập văn bản thỏa thuận chuyển hết tài sản cho ông Th làm ảnh hưởng đến cuộc sống của bà Ng vì bà Ng không có nhà để ở, không có tiền để trả cho các chủ nợ.

Tại bản tự khai, phiên đối chất, hòa giải, bị đơn Phòng công chứng số 1 tỉnh Hà Giang trình bày:

Phòng công chứng số 1 tỉnh Hà Giang xác nhận có lập văn bản xác nhận tài sản riêng số: 539 ngày 15/02/2019 của ông Lê Văn Th (Lê Trung H) và bà Hà Thị Bích

Ng. Tại thời điểm thực hiện Văn bản xác định tài sản riêng theo yêu cầu của ông Th và bà Ng thì các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Việc yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc. Do vậy, công chứng viên của Phòng công chứng số 1 tỉnh Hà Giang đã thụ lý, thực hiện công chứng văn bản xác định tài sản riêng đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Phòng công chứng số1 tỉnh Hà Giang đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng trên có hiệu lực.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Th trình bày:

Ông Th xác nhận ngày 15/2/2019, ông và bà Ng có lập văn bản thỏa thuận xác định tài sản riêng số 539 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Hà Giang. Tài sản xác định là của riêng ông Th đúng như bà Ng trình bày. Tuy nhiên, ông Th cho rằng việc bà Ng đồng ý xác nhận toàn bộ tài sản là của ông Th là bà Ng hoàn toàn tự nguyện bởi bà Ng đã phạm tội, ông Th đã trả nợ, khắc phục hậu quả do bà Ng gây ra quá lớn so với khả năng tài chính của gia đình, bà Ng tự thấy không có quyền về tài sản nhà, xe nữa. Còn việc bà Ng nợ nhiều tiền, ít tiền của những ai ông Th không hề biết. Giữa bà Ng và ông Th không hề có thỏa thuận về việc ông Th sẽ đứng ra vay Ngân hàng để trả nợ cho bà Ng. Ông Th không đồng ý hủy văn bản thỏa thuận xác định tài sản riêng số 539 ngày 15/02/2019 của bà Ng vì ông Th, bà Ng tự nguyện ký văn bản thỏa thuận trên.

Tại phiên tòa :

Bà Hà Thị Bích Ng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố văn bản công chứng số: 539 ngày 15/02/2019 là vô hiệu vì hợp đồng này nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do bà Ng và ông Th đã lừa dối Phòng công chứng và công chứng viên khi đề nghị công chứng văn bản nên bà Ng tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của Phòng công chứng số 01 tỉnh Hà Giang vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt. Quan điểm của Phòng công chứng là giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố văn bản công chứng số 539 ngày 15/02/2019 là có hiệu lực.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Th và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th giữ nguyên quan điểm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng vì khi lập văn bản thỏa thuận trên, bà Ng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao tài sản cho ông Th chứ ông không lừa dối, không trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, bà Ng vay tiền của ai, vay bao nhiêu ông Th không biết.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H:

- Việc việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 124, 131 của Bộ luật dân sự; Luật công chứng tuyên bố văn bản công chứng thỏa thuận xác định tài sản riêng số 539 ngày 15/2/2019 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Hà Giang là vô hiệu.

- Về án phí: Áp dụng Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 của Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Bà Ng tự nguyện nộp án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Hà Thị Bích Ng khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên bố văn bản thỏa thuận xác định tài sản riêng số 539 ngày 15/2/2019 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Hà Giang là vô hiệu. Do vậy, xác định đây là vụ án về *Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*. Căn cứ vào khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm m khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang thụ lý đơn khởi kiện của bà Hà Thị Bích Ng để giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quyền khởi kiện:Theo Điều 45 Luật công chứng quy định về Người được đề nghị Toà án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu:*" Công chứng viên, người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người có quyền, lợi ích liên quan, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền đề nghị Toà án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu khi có căn cứ cho rằng việc công chứng có vi phạm pháp luật"*. Trong vụ án này bà Ng là người đã trực tiếp yêu cầu công chứng, do vậy bà Ng có quyền yêu cầu khởi kiện.

[3]. Về nội dung vụ án: Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định: Tại văn bản công chứng số: 539 ngày 15/02/2019 của Phòng Công chứng số 01 tỉnh Hà Giang về việc thỏa thuận xác định tài sản riêng. Nội dung văn bản văn bản thỏa thuận xác định tài sản riêng này thể hiện:*"Ông Lê Văn Th và bà Hà Thị Bích Ng xác định:*

1.Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 669208 do Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Hà Giang cấp ngày 23/6/2004, tờ bản đồ số 17, thửa đất số: 72, diện tích sử dụng: 85,8m^2, hình thức sử dụng: riêng, mục đích sử dụng: Đất ở, thời hạn sử dụng: Lâu dài. Tài sản trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, ghi là hộ ông Lê Văn Th.

2. Ô tô mang biển kiểm soát số 23A-018.56, Giấy đăng ký xe ô tô số 001672 do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 20/3/2015; Tên chủ sở hữu: Lê Văn Th; nhãn hiều TOYOTA; màu sơn: Bạc; Số chỗ ngồi: 5.

Các tài sản trên hình thành trong thời kỳ hôn nhân, nhưng bà Hà Thị Bích Ng không có bất kỳ sự đóng góp nào để hình thành nên những tài sản trên. Ông Lê Văn Th một mình toàn quyền quyết định đối với những tài sản trên".

[3.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Bích Ng thấy rằng:

[3.1.1].Về yêu cầu tại thời điểm ký vào văn bản thỏa thuận xác định tài sản riêng, lúc đó bà Ng đang nợ tiền của rất nhiều người, thấy rằng: Tại Biên bản xác minh tổ trưởng dân phố tổ 4 và Công an phường T, thành phố H xác nhận: Trong quá trình chung sống trên địa bàn, ông Th, bà Ng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Ng vay mượn nợ nần nhiều, công an phường có nhận được tin báo từ gia đình ông Th về những lần bà Ng bị chủ nợ đến đòi tiền và ném chất bẩn vào nhà. Tại các bút lục số: 42 đến 45, bút lục số 59 đến 65, bút lục số 73 đến 75 của Tòa án nhân dân thành phố H đã xác định được: Bà Ng còn nợ bà Vũ Thị Bích Y: 90.000.000^{đ}; nợ bà Vũ Thị Ch 88.000.000^{đ}; nợ bà Trần Mai B số tiền: 145.000.000^{đ}; nợ bà Nguyễn Thị D số tiền: 130.000.000^{đ}; nợ bàVũ Thị Chung Th: 75.000.000^{đ}; nợ công ty D (do anh Trần Thanh H đứng ra cho vay) số tiền: 42.000.000^{đ}; nợ chị Lại Thanh Tr số tiền: 130.000.000^{đ}; nợ chị Phan Thị X số tiền: 230.000.000^{đ}; nợ anh Phạm Quang A số tiền: 50.000.000đ. Các khoản vay trên đều được bà Ng vay trước khi bà Ng và ông Th lập văn bản thỏa thuận trên và hiện nay bà Ng vẫn chưa trả được các khoản nợ này.

[3.1.2]. Xét yêu cầu của bà Ng về thời điểm công chứng văn bản thỏa thuận, bà Ng bị hoảng loạn về tinh thần, thấy rằng: Tại Bản án số: 20/2019/HS-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang thể hiện: Bà Hà Thị Bích Ng bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 04 năm tù về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Trước khi xét xử, bà Ng bị tạm giam từ ngày 23/8/2018 đến ngày 17/12/2018 được tại ngoại. Tuy nhiên, tinh thần của bà Ng tại thời điểm đó có bị hoảng loạn hay không hiện nay không xác định được.

[3.1.3]. Bà Ng cho rằng: Vì bị ông Th ép buộc, đánh đập nên bà Ng bắt buộc phải ký vào văn bản thỏa thuận chuyển tài sản sang tên ông Th. Tại các biên bản xác minh tổ dân phố 4, phường T và công an phường T, không xác định bà Ng có bị ông Th đánh không. Tuy nhiên, lời khai của hai con trai của ông Th, bà Ng là anh Lê H và cháu Lê Tr đều xác nhận: Cháu Tr được chứng kiến ông Th đánh bà Ng nhiều lần, mỗi lần chủ nợ đến nhà đòi nợ, ném chất bẩn vào nhà ông Th và bà Ng lại đánh, chửi nhau. Cháu Tr có gọi điện cho anh H biết việc này. Nhưng ông Thcó ép buộc bà Ng lập văn bản thỏa thuận công chứng trên, bà Ng không có chứng cứ chứng minh.

[3.1.4].Việc bà Ng tự nguyện chuyển giao những tài sản chung của bà Ng và ông Th thành tài sản riêng của ông Th khi bà Ng đang phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho người khác là có hành vi cố tình tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.Theo quy định tại khoản 2 Điều 124 Bộ luật dân sự, thì *"Trường hợp xác lập giao dịch dân sự giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba thì giao dịch đó vô hiệu"*. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Bích Ng về việc yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng thỏa thuận xác định tài

sản riêng số 539 ngày 15/02/2019 của bà Ng, ông Th tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Hà Giang là vô hiệu.

[3.2]. Về giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Theo quy định tại Điều 137 Bộ luật dân sự quy định về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu:*"Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả nhau những gì đã nhận;nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường*". Hội đồng xét xử thấy rằng: Kể từ khi bà Ng và ông Th xác lập văn bản thỏa thuận xác định tài sản riêng đến khi Tòa án xét xử vụ án, hậu quả pháp lý chưa xảy ra do hiện nay bà Ng và ông Th vẫn đang sinh sống trên ngôi nhà trên đất tại số 19, đường N, tổ 04, phường T, thành phố H , ông Th vẫn đang sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 23A-018.5.Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3]. Đối với việc công chứng của Phòng công chứng số 01 tỉnh Hà Giang, quá trình giải quyết vụ án, bản thân bà Ng cũng thừa nhận: Tất cả các thỏa thuận giữa bà Ng và ông Th về việc lập văn bản xác định tài sản riêng, bà Ng và ông Th đều bàn bạc thống nhất ở ngoài, công chứng viên không được biết những thỏa thuận trên. Khi lập văn bản thỏa thuận công chứng của bà Ng, ông Th tại Phòng công chứng là hoàn toàn tự nguyện nhưng với mục đích từ trước là để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên khi đến Phòng công chứng bà Ng ông Th đã giấu không cho công chứng viên biết. Bà Ng xác nhận công chứng viên đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của công chứng viên đối với văn bản mà bà và ông Th đã xác lập. Như vậy, văn bản thỏa thuận công chứng số 539 ngày 15/02/2019 là vô hiệu nhưng không phải do lỗi chủ quan của công chứng viên.

[4]. Về án phí: Tại phiên tòa, bà Ng có ý kiến xin tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm. Xét yêu cầu này của đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà Ng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 11 Điều 26, Điều 35, điểm m khoản 2 Điều 39, 266, 267, 271 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 124, 131 của Bộ luật dân sự; Luật công chứng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Bích Ng.

Tuyên bố văn bản thỏa thuận xác định tài sản riêng số 539 ngày 15/2/2019 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Hà Giang là vô hiệu.

2. Về án phí: Bà Hà Thị Bích Ng tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000[đ] (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 01374 ngày 08/10/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vắng mặt bị đơn. Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản sao Bản án.

***Nơi nhận*:**
- TA tỉnh;
-VKSND TP;
-Các đương sự;
-THA;
- Lưu.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Kim Quy